

Bản án số: 27/2019/HS-ST

Ngày 23 tháng 4 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Công Cầm và ông Tráng A Lừ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hồng Nghiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH tham gia phiên tòa: Ông Trương Phi Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Hà Thị M L, sinh năm 1987, tại MC, Sơn La.

Nơi cư trú: Tổ 12, phường Q T, thành phố S L, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Quang V và bà Vì Thị Ph; Bị cáo có chồng đã ly hôn là Hoàng Ngọc T và 01 con sinh năm 2010;

Tiền án, Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 11 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- Những người bị hại:

+ Chị Lương Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản S L, xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Chị Hà Thị H, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản Ch Đ, xã T M, huyện VH, tỉnh Sơn La. mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị M, sinh năm 1978, địa chỉ: Bản N S, xã H P, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Hà Thị H, sinh năm 1995, địa chỉ: Bản Ch Đ, xã T M, huyện VH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Anh Bàn Văn D, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản S L, xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Thị M L không có nghề nghiệp ổn định, do kinh doanh mỹ phẩm thua lỗ, không có tiền chi trả. Lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của những người bị hại, Hà Thị M L đã tạo niềm tin có thể chạy việc, lừa đảo chiếm đoạt số tiền lớn để tiêu sài cá nhân. Cụ thể như sau:

- Hà Thị M L có bạn học là chị Lương Thị T. Do chị Lương Thị T không thi đỗ công chức ngành giáo dục, nên gọi điện nhờ Hà Thị M L tìm mối chạy việc cho làm giáo viên. Linh dù không quen biết ai có thể chạy việc, nhưng vẫn nhận lời, giả vờ liên lạc với đối tượng tên là Hà Phạm Hải Y. Theo đó, Hà Phạm Hải Y yêu cầu chị T chuyển số tiền 165.000.000 đồng để được nhận vào làm giáo viên ở xã T M, huyện VH. Trong tháng 3 năm 2017, chị Lương Thị T đã hai lần chuyển tiền cho Hà Thị M L. Lần thứ nhất, chị Lương Thị T đã đến nhà trọ của Hà Thị M L ở Số nhà 69, tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La nộp hồ sơ, đưa cho Hà Thị M L 80.000.000 đồng, có ký giấy nhận tiền. Lần thứ hai, chị Lương Thị T lại chuyển qua xe khách cho Hà Thị M L 20.000.000 đồng. Khoảng tháng 8/2017, Hà Thị M L nói dối sắp được đi làm, yêu cầu chị Lương Thị T hai lần chuyển số tiền tổng cộng 65.000.000 đồng vào tài khoản của Hà Thị M L. Tổng cộng, 04 lần chuyển tiền, Hà Thị M L chiếm đoạt của chị Lương Thị T 165.000.000 đồng.

Cũng trong khoảng tháng 8 năm 2017, chị T lại nhờ L xin việc cho cháu chị T là Hà Thị H làm giáo viên ở T M. L đồng ý, giả vờ gọi cho Hà Phạm Hải Y và được Y yêu cầu phải nộp 170.000.000 đồng, phải đặt cọc trước 100.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ ngày 22/8/2017, chị Hà Thị H (em gái chị H) cùng bạn trai là Hoàng Văn T cầm theo 01 bộ hồ sơ và 100.000.000 đồng đến nhà trọ của Hà Thị M L ở số nhà 02, ngõ 75, đường Cách mạng tháng 8, thành phố Sơn La, đưa số tiền trên và bộ hồ sơ xin việc cho L, L nhận và có viết giấy nhận tiền. Khoảng 01 tháng sau, L nói dối chị T sắp có quyết định nhận việc, yêu cầu T chuyển nốt số tiền 70.000.000 đồng xin việc cho chị H. Khoảng 04 ngày sau, T đem số tiền 70.000.000 đồng đến đưa cho L. Đến cuối tháng 11/2017, thấy chưa có quyết định đi làm, chị T yêu cầu L viết giấy nhận đã vay tổng số tiền 335.000.000 đồng, yêu cầu có cả chữ ký của Y. L đồng ý, viết giấy biên nhận vay tiền và giả chữ ký của Y đưa cho Bàn Văn D (chồng chị T). Do ăn chơi tiêu sài và kinh doanh thua lỗ, nên dù nhiều lần bị chị T đòi tiền, L không thể trả được. Do vậy chị Lương Thị T và chị Hà Thị H làm đơn yêu cầu Cơ quan điều tra Công an huyện VH xác minh, xử lý, yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 335.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra xác minh không có ai tên là Hà Phạm Hải Y, sinh ngày 16/4/1984, địa chỉ số nhà 136, đường Nguyễn Văn Linh, thuộc tổ 7, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La. Cũng như không có ai có tên và lai lịch như trên tại Phòng Giáo dục đào tạo thành phố Sơn La như lời khai của Hà Thị M L. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Khám xét chỗ ở của Hà Thị M L ở bản Chậu, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, cơ quan điều tra thu giữ một số giấy tờ liên quan đến việc giao nhận tiền giữa Hà Thị M L và Hà Phạm Hải Y, Hà Thị H, Lương Thị T do Hà Thị M L giả mạo chữ ký (lưu trong hồ sơ vụ án) và nhiều loại mỹ phẩm chưa qua sử dụng.

Quá trình xác minh, cơ quan điều tra xác định số mỹ phẩm thu tại chỗ ở của Hà Thị M L thuộc quyền sở hữu của chị Hà Thị M (chị gái L). Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chị Hà Thị M quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra Công an huyện VH còn tạm giữ của Hà Thị M L: 01 Laptop nhãn hiệu ASUS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu xám số Imei 990005026480393 có sim thuê bao là 0973.560.199 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng, số imei 1 là 869692021471945, số imei 2 là 869692021471952 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu bạc, số imei 1 là 355228086972310, imei 2 là 355229086972318 có 01 sim 037.976.4669 đã qua sử dụng, bị cáo khai đã sử dụng máy và sim này để giả tiếng và số điện thoại của người tên Y; và 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Hà Thị M L số 9704180080431679.

Bản Kết luận giám định số 487, ngày 09/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị M L trên mẫu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh M1, M2, M3 là chữ ký, chữ viết của cùng một người. Chữ ký, chữ viết mang tên Hà Phạm Hải Y so với chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị M L trên mẫu A1, A2, A3 là chữ ký, chữ viết của cùng một người.

Cáo trạng số 25/CT – VKS ngày 08/3/2019 của VKSND huyện VH, truy tố Hà Thị M L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 điều 139 BLHS 1999 nay là điểm a khoản 3 điều 174 BLHS 2015. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Hà Thị M L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

* Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: Hà Thị M L từ 10 năm đến 11 năm tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản là mỹ phẩm chưa qua sử dụng cho chị Hà Thị M quản lý, sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu bạc, số imei 1 là 355228086972310, imei 2 là 355229086972318 có 01 sim 037.976.4669 đã qua sử dụng.

+ Trả lại bị cáo: 01 Laptop nhãn hiệu ASUS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu xám số Imei 990005026480393 có sim thuê bao là 0973.560.199 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng, số imei 1 là 869692021471945, số imei 2 là 869692021471952 đã qua sử dụng và 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Hà Thị M L số 9704180080431679.

+ Căn cứ điều 584, 585 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại gồm: Bồi thường cho chị Lương Thị T số tiền 165.000.000 đồng. Bồi thường cho chị Hà Thị H số tiền 170.000.000 đồng.

* *Ý kiến của những người bị hại:* Nhất trí đối với Cáo trạng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo, để răn đe và phòng ngừa.

* *Ý kiến của người có QLNVLQ:* Do Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản, tài sản không bị mất mát, hư hỏng, nên không có ý kiến gì.

* *Ý kiến của người làm chứng:* Qua trình bày và khai báo của bị cáo, người làm chứng thấy phù hợp với những tình tiết, diễn biến đã được chứng kiến trong vụ án. Không có ý kiến gì bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lợi dụng quen biết và sự nhẹ dạ cả tin của những người bị hại, bằng thủ đoạn gian dối quen biết người có thể xin việc. Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 11/2017, Hà Thị M L đã nhiều lần lừa đảo của hai người bị hại là chị Lương Thị T và chị Hà Thị H, chiếm đoạt tổng số tiền là 335.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Như vậy, **hành vi của bị cáo** đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm a khoản 3 điều 139 BLHS 1999 (thời điểm phạm tội, BHS 1999 vẫn còn hiệu lực), nay là điểm a khoản 3 điều 174 BLHS 2015. HĐXX xét thấy, lời khai của bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Do vậy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tính chất hành vi của bị cáo: Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, chiếm đoạt tài sản của nhiều người, phạm tội nhiều lần, gây mất trật tự địa phương. Cần áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS, xử phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có bố là người có công với cách mạng, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[4] *Về phạt bổ sung:* Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Vật chứng của vụ án:* 01 Laptop nhãn hiệu ASUS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu xám số Imei 990005026480393 có sim thuê bao là 0973.560.199 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng, số imei 1 là 869692021471945, số imei 2 là 869692021471952 có 01 sim 037.976.4669 đã qua sử dụng là những tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo,

không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu bạc, số imei 1 là 355228086972310, imei 2 là 355229086972318 đã qua sử dụng và 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Hà Thị M L số 9704180080431679 là vật bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, hoặc không có giá trị sử dụng (Giả số điện thoại của người tên Yến và nhận chuyển khoản tiền để chiếm đoạt). Do vậy, điện thoại cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Thẻ ngân hàng cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

+ Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản là mỹ phẩm chưa qua sử dụng cho chị Hà Thị M quản lý, sử dụng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] *Về phần dân sự của vụ án:* Xét thấy bị cáo chiếm đoạt số tiền tổng cộng 335.000.000 của những người bị hại (chị Lương Thị T là 165.000.000 đồng, chị Hà Thị H là 170.000.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền trên. Xét thấy, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, lẽ ra cần truy thu sung ngân sách nhà nước. Nhưng do những người bị hại hiểu biết pháp luật hạn chế. Hơn nữa, đây là số tài sản lớn, những người bị hại đi vay mượn, hoặc là tài sản chung trong gia đình. Do vậy, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho những người bị hại.

Bị cáo phạm tội, phải bồi thường cho những người bị hại, do đó phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 BLHS 2015. Tuyên bố bị cáo Hà Thị M L phạm tội: **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.**

- Xử phạt: Hà Thị M L 11 (mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2018.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. *Về dân sự của vụ án:* Căn cứ điều 584, 585 BLDS: Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho chị Lương Thị T số tiền 165.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho chị Hà Thị H số tiền 170.000.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo phải bồi thường cho hai người bị hại là 335.000.000 đồng.

3. *Về vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại bị cáo 01 Laptop nhãn hiệu ASUS; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu xám số Imei 990005026480393 có sim thuê bao là 0973.560.199 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu vàng, số imei 1 là 869692021471945, số imei 2 là 869692021471952 có 01 sim 037.976.4669 đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu bạc, số imei 1 là 355228086972310, imei 2 là 355229086972318 đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Hà Thị M L số 9704180080431679.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 48/BBVC ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 16.750.000 đồng án phí dân sự, cộng là 16.950.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Tráng A Lú

Nguyễn Đăng Quang

Quách Công Cầm

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo; Những bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Lưu HS.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp

luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)